

Số: 07/2024/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 2541/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo khác thực hiện

chương trình giáo dục phổ thông của tỉnh Phú Thọ thuộc loại hình giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục; học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm học 2024 - 2025

1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng

| Số TT | Cấp học | | Vùng | | |
|-------|---------------------|---------------|-----------|-----------|------------------------------|
| | | | Thành thị | Nông thôn | Dân tộc thiểu số và miền núi |
| 1 | Mầm non | Không bán trú | 225 | 90 | 45 |
| | | Bán trú | 255 | 120 | 65 |
| 2 | Trung học cơ sở | | 160 | 65 | 35 |
| 3 | Trung học phổ thông | | 190 | 80 | 40 |

Trẻ em, học sinh, học viên đóng học phí theo mức thu tại các cơ sở giáo dục công lập nơi trẻ em, học sinh, học viên theo học.

2. Trẻ em mầm non 05 tuổi được miễn học phí; học sinh tiểu học công lập không phải đóng học phí. Mức học phí được quy định tại Nghị quyết này làm cơ sở để hỗ trợ tiền đóng học phí cho trẻ em mầm non 05 tuổi, học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định, đối với tiểu học quy định như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng

| Cấp học | Vùng | | |
|----------|-----------|-----------|------------------------------|
| | Thành thị | Nông thôn | Dân tộc thiểu số và miền núi |
| Tiểu học | 160 | 65 | 35 |

3. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức thu học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

4. Vùng áp dụng thu học phí

a) Vùng thành thị: Bao gồm các phường của thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và thị trấn của các huyện (trừ thị trấn Yên Lập của huyện Yên Lập).

b) Vùng nông thôn: Bao gồm các xã không phải là vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Bao gồm các xã, thị trấn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

5. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản có hiệu lực khác liên quan.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

